

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **33^A**/XMST-KHCL

Phủ Thọ, ngày **22** tháng 01 năm 2021

V/v: Mời chào giá cạnh tranh
gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị
phục vụ thay thế trường số 3 – lọc bụi
tĩnh điện 12/16.19

Kính gửi: Các Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh
Gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế
Trường số 3 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua sắm gói: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế (Ký hiệu XMST/2021/VTLB 12/16.19). Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói mua sắm nêu trên. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá cạnh tranh theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư chào giá vào **hồi 09h15', ngày 29/01/2021.**

Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 09h30', ngày 29/01/2021.**

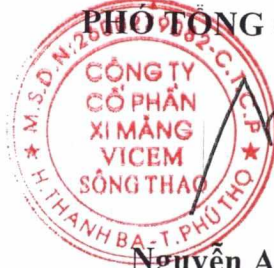
Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Cúc: 0967. 389.681.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

**Tên gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ
thay thế trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19**

(Ký hiệu: XMST/2021/VTLB12/16.19)

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phủ Thọ, tháng 01/2021

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2021/VTLB12/16.19
Tên gói mua sắm:	Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế Trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19
Phát hành ngày	22/01/2021

Phòng Kế hoạch chiến lược



Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO



KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh thông thường
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh thông thường gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 (ký hiệu: XMST/2021/VTLB12/16.19).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2021.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian giao hàng: Giao hàng tại kho của Vicem Sông Thao trước ngày 20/02/2021.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp;
3. Bảo đảm dự chào giá (có phiếu thu hoặc giấy xác nhận chuyển khoản Ngân hàng trường hợp nộp tiền mặt, hoặc chuyển khoản) hoặc Thư bảo đảm theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu (trường hợp bảo đảm bằng Thư bảo lãnh của Ngân hàng);
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;
5. Bản cam kết cung cấp hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, điều kiện nghiệm thu của bên mời chào giá theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.
6. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp: Hợp đồng tương tự đã thực hiện- Mẫu số 06.
7. Danh mục Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ - Theo mẫu số 7.
8. Dự thảo hợp đồng điền đầy đủ thông tin theo mẫu.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá:

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá trước thời điểm đóng thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc (*nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*) hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

+ Giá trị bảo đảm dự chào giá là **40.000.000** đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng*);

+ Hình thức nộp bảo đảm chào giá: Tiền mặt, chuyển khoản hoặc Thư bảo đảm dự chào giá do một Tổ chức tín dụng trong nước phát hành.

+ Thời hạn bảo lãnh dự chào giá là 70 ngày, kể từ ngày đóng thư chào giá.

+ Thời điểm nộp bảo đảm dự chào giá: Nhà cung cấp phải nộp bảo đảm dự chào giá

(tiền mặt, chuyển khoản, Thư bảo đảm do Tổ chức tín dụng phát hành) đến cho Bên mời chào giá đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm đóng Thư chào giá được quy định tại Thư mời chào giá này.

Trường hợp Nhà cung cấp sử dụng hình thức chuyển khoản: Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, số tài khoản: 118 600 399 566 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Phú Thọ. Nội dung chuyển khoản: Chuyển tiền bảo đảm dự chào giá gói mua sắm :.....(ghi tên gói mua sắm mà Nhà cung cấp tham dự chào giá).

Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp độc lập hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự chào giá.

2. Bảo đảm dự chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 1 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

3. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá thực hiện theo quy định như sau:

Bên mời chào giá có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá cho nhà cung cấp không được lựa chọn trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt. Đối với nhà cung cấp được lựa chọn, bảo đảm dự chào giá được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà cung cấp đã ký Hợp đồng với Bên mời chào giá và đã triển khai thực hiện công việc gói mua sắm.

- Bảo đảm dự chào giá không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

+ Nhà cung cấp rút hồ sơ dự chào giá sau thời điểm đóng Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự chào giá;

+ Nhà cung cấp vi phạm các quy định của Thư mời chào giá dẫn đến phải hủy gói mua sắm theo quy định;

+ Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Nhà cung cấp đã ký Hợp đồng nhưng không triển khai thực hiện công việc sửa chữa theo nội dung của Hợp đồng Hai Bên đã ký.

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **01 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN

GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế: Tất cả bản gốc, bản chụp của Thư chào giá của nhà cung cấp phải được và chỉ đựng trong 01 (một) túi đựng. Túi đựng Thư chào giá phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá, thời điểm mở Thư chào giá và địa chỉ nhận Thư chào giá nêu tại Khoản 1 – Mục 11 dưới đây. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

Trường hợp Nhà cung cấp không niêm phong, không ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào và thời điểm mở Thư chào giá theo quy định hoặc không ghi địa chỉ nhận Thư chào giá dẫn đến Thư chào giá của Nhà cung cấp không được bảo mật thông tin, hoặc không được tiếp nhận và mở thư chào giá đúng thời gian quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà cung cấp thì Bên mời chào giá hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm với Nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá: Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao: xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ và phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá là: **hồi 09 giờ 15' ngày 29/01/2021**.

Bên mời chào giá sẽ không chịu trách nhiệm đối với các Thư chào giá gửi không đúng địa chỉ nêu trên.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản

thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **hồi 09 giờ 30' ngày 29 tháng 01 năm 2021.**

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp: Không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá đánh giá thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối

lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax: 02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Cúc (SĐT: 0967.389.681).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian giao hàng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có

kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp (*không áp dụng*);

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
1	Năng lực, kinh nghiệm	Nhà cung cấp tham gia chào giá phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm cụ thể như sau: Từ ngày 01/01/2018 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, Nhà cung cấp phải có ít nhất 01 hợp đồng kinh tế thực hiện việc: Cung cấp vật tư, thiết bị lọc bụi tĩnh điện do hãng SINOMA chế tạo hoặc Hãng khác tương đương và có giá trị lớn hơn 1,0 tỷ đồng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
2	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01/01/2018 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07

2.5. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu:

TCDG theo tiêu chí "đạt", "không đạt" về việc đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu vật tư, thiết bị do Nhà cung cấp chào cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	Về yêu cầu kỹ thuật:		
1	Các vật tư, thiết bị do Nhà cung cấp chào giá phải đảm bảo khi lắp đặt và đưa vào vận hành sử dụng hoạt động phải tương thích	Có cam kết đáp ứng	Không có cam kết đáp ứng các

	với thiết bị lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 mà Vicem Sông Thao hiện đang sử dụng. Thiết bị lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 Vicem Sông Thao hiện đang sử dụng có các thông số kỹ thuật cơ bản như sau: + Kiểu: 33/12.5/3x10/0.4 + Nồng độ bụi đầu ra < 50 mg/Nm ³ + Nhiệt độ đầu vào 150-200 ⁰ C + DE kiểu V15 + CE kiểu ZT24 + Điện áp kiểu: GGAJ02-1.6A/66KV Kèm theo các bản vẽ: YC1669.4A-AZ;	các yêu cầu kỹ thuật của Bên A	yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu
2	Nhà cung cấp phải chào đủ số lượng vật tư, thiết bị mà Vicem Sông Thao yêu cầu cung cấp. Vật tư, thiết bị chào đúng các thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách, hãng sản xuất và nguồn xuất xứ theo yêu cầu của Vicem Sông Thao để thay thế cho trường số 03 – Hệ thống lọc bụi điện 12/16.19. Nội dung thông số kỹ thuật yêu cầu cụ thể theo Bảng dưới đây:	Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá	Không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá

Thông số kỹ thuật, hàng sản xuất/ Xuất xứ vật tư, thiết bị yêu cầu cung cấp

TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đvt	SL
	Phần vật tư, thiết bị chính				
2.1	Bản cực thu, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 03, bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	250
2.2	Bản cực phóng	Gồm các chi tiết số 8, chi tiết số 14, 15, 16, 17, 19, bản vẽ: YC1669.4A-AZ			
2.2.1	Bản cực phóng Kiểu: Lềch vị trí, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 14, 16. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	17
2.2.2	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 15, 17. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	03
2.2.3	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn (Trong đó: Bên A cấp 1300 chi tiết số 08)	Chi tiết số 15, 17, bản vẽ YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	13
	Phần vật tư, thiết bị phục vụ lắp đặt				
2.3.1	Tôn mái				
2.3.1.1	Tôn tráng kẽm dày 1mm	Tôn tráng kẽm, chiều dày 1mm	VN/TQ hoặc tương đương	m ²	80
2.3.1.2	Phụ kiện: ốp nóc, góc...		VN/TQ hoặc tương đương	Cụm	1

2.3.2	Bông bảo ôn: dày 50, tỷ trọng 60kg/m ³	Dày 50mm, tỷ trọng 60kg/m ³	VN/TQ hoặc tương đương	m ²	70
2.3.3	Nóc lọc bụi				
2.3.3.1	Thép tấm dày 6mm, VL SS400	1500x6000x6mm	VN/TQ hoặc tương đương	kg	3.391
2.3.3.2	Thép tăng cứng L40x40x4; VL SS400	L40x40x4	VN/TQ hoặc tương đương	kg	145
2.3.3.3	Thép tăng cứng L50x50x5; VL SS400	L50x50x5	VN/TQ hoặc tương đương	kg	113
2.3.4	Vách thành bên				
2.3.4.1	Thép tấm dày 6mm; VL SS400	1500x6000x6mm	VN/TQ hoặc tương đương	kg	2.120
2.3.4.2	Thép tăng cứng L65x65x6; VL SS400	L65x65x6	VN/TQ hoặc tương đương	kg	171

Stt	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3	Các vật tư, thiết bị do Nhà cung cấp phải mới 100%, đúng chủng loại quy cách, chưa qua sử dụng, không bị rỉ gỉ bề mặt, không biến dạng cơ học như cong, vênh, rạn nứt	Có cam kết đáp ứng các yêu cầu của Bên A	Không có cam kết đáp ứng các yêu cầu Bên A
4	Các vật tư, thiết bị chính (<i>Vật tư, thiết bị mục I</i>) được tổ hợp, lắp ghép thành cụm chi tiết và được đóng kiện theo đúng tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhằm thuận tiện cho việc bốc xếp khi vận chuyển và thuận tiện cho việc tổ hợp và lắp đặt tại thiết bị hiện trường Nhà máy của Bên A. Yêu cầu có Bảng kê list hàng hóa do Nhà máy chế tạo thiết bị cấp đi kèm với hàng hóa khi giao hàng.	Có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá	Không có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá
5	Hàng hóa vật tư chính được chế tạo đặt chất lượng, dung sai cho phép theo đúng tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu của Vicem Sông Thao cụ thể như sau: + Đối với khung bản cực phóng (mục 2.2), yêu cầu chế tạo bằng ống thép Q235, ống thép đúc chiều dày 3mm, các khung đảm bảo độ phẳng ≤ 05 mm, dung sai chiều cao ± 8 mm(với khung cao 7.5 m); ± 5 mm với khung chiều cao 5m ; dung sai chiều rộng ± 5 mm; Chiều cao mỗi hàn > 4 mm; + Đối với các thanh gai, đảm bảo được hàn bằng phương pháp tiếp xúc. Không có khuyết tật và yêu cầu hàn tiếp xúc giữa phần kết nối thanh gai và bu lông; + Đối với tấm bản cực thu (Mục số 2.1) yêu cầu dung sai độ không phẳng của sản phẩm theo phương ngang (theo trục x-x) không lớn hơn ± 4 mm; dung sai độ không phẳng của sản phẩm theo phương dọc (trục y-y) không lớn hơn ± 10 mm. Độ vắn của sản phẩm sau gia công không lớn hơn ± 10 mm. Vật liệu chế tạo Q235A. Dung sai chiều dài: $0 \div -5$; Dung sai chiều rộng: $-1 \div +2.5$ Hàng hóa phải có giấy CQ/CO bản gốc hoặc bản sao công chứng (đối với hàng nhập khẩu); giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng sản	Có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá	Không có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời chào giá

	xuất trong nước) khi giao hàng.		
6	Có tài liệu kỹ thuật được dịch sang Tiếng Việt hoặc tiếng Anh hướng dẫn việc tổ hợp, lắp đặt vật tư, thiết bị chính, vận hành khi sử dụng. Có Chuyên gia của Nhà thiết kế/chế tạo thiết bị hướng dẫn và giám sát Đơn vị làm dịch vụ lắp đặt thiết bị tại hiện trường Nhà máy Bên A và phải chịu trách nhiệm toàn bộ chất lượng lắp đặt thiết bị của Đơn vị thực hiện dịch vụ lắp đặt thiết bị. Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị sẽ được ký bởi 03 Bên: Chủ Đầu Tư – Giám sát Nhà cung cấp thiết bị - Đơn vị thực hiện dịch vụ lắp đặt.	Có cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên A	Có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên A
7	Chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng vật tư, thiết bị, chất lượng dịch vụ lắp đặt trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày hoàn thành công tác lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đảm bảo hoạt động ổn định.	Đáp ứng yêu cầu của Bên mời chào giá	Không đáp ứng yêu cầu của Bên mời chào giá

II. Về điều kiện nghiệm thu:

Việc nghiệm thu được chia làm 02 giai đoạn:

a. Giai đoạn 1: Nghiệm thu tĩnh bao gồm việc nghiệm thu các vật tư, thiết bị chính và vật tư thiết bị phục vụ lắp đặt do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt

Khi Bên B cung cấp các vật tư, thiết bị đến công trường để lắp đặt, Hai Bên sẽ kiểm tra về số lượng, chủng loại, quy cách, các thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất và xuất xứ hàng hóa. Các Bên tiến hành đối chiếu hàng hóa với bản vẽ, tiêu chuẩn chế tạo và yêu cầu kỹ thuật của Bên A để nghiệm thu vật tư, thiết bị do Bên B cấp.

Nếu hàng hóa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng thông số về kích thước, chất lượng. Các bên sẽ tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B thực hiện lắp đặt tại hiện trường.

b. Giai đoạn 2: Nghiệm thu chạy thử không tải, có tải 72 giờ và bàn giao đưa vào sử dụng đối với các vật tư, thiết bị chính.

+ Sau khi Bên B đã cung cấp đầy đủ hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và được nghiệm thu tĩnh theo quy trình của Bên A. Trong kế hoạch sửa chữa lớn tháng 02/2021, Bên A thực hiện lắp đặt hàng hóa trên cơ sở dưới sự hướng dẫn và giám sát lắp đặt của Chuyên gia Bên B và tiến hành việc chạy thử không tải, có tải 72 giờ. Trường hợp trường số 03 – Hệ thống lọc bụi điện 12/16.19 vận hành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Các Bên: A-B – Đơn vị thực hiện dịch vụ lắp đặt sẽ tiến hành lập biên bản nghiệm thu chạy thử không tải và có tải 72 giờ làm cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng Hai Bên A- B.

Trường hợp, trong quá trình hoạt động, xuất hiện sự cố được xác nhận là do lỗi của Bên B. Bên B phải khắc phục, sửa chữa, thay thế. Toàn bộ chi phí khắc phục sự cố cho bên A do Bên B chịu

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: ____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm]

Tên Phương án mua sắm: ____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian giao hàng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá..

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: ____ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào giá]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số: ____ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá]

Bên bảo lãnh: ____ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [Ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm ____ [Ghi tên PAMS].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói mua sắm này bằng một khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư chào giá;
2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào giá: Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào giá: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự chào giá là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Vật tư, thiết bị chính						
1	Bản cực thu, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 03, bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	250		
2	Bản cực phóng	Gồm các chi tiết số 8, chi tiết số 14, 15, 16, 17, 19, bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ			
2.1	Bản cực phóng Kiểu: Lệch vị trí, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 14, 16. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	17		
2.2	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 15, 17. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	03		
2.3	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn (Trong đó: Bên A cấp 1300 chi tiết số 08)	Chi tiết số 15, 17, bản vẽ YC1669.4A-AZ		Bộ	13		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế (I)						
II	Vật tư phục vụ lắp đặt						
1	Tôn mái						
1.1	Tôn tráng kẽm dày 1mm	Tôn tráng kẽm dày 1mm		m2	80		
1.2	Phụ kiện: ốp nóc, góc...			Cụm	1		
2	Bông bảo ôn: dày 50, tỷ trọng 60kg/m3	Chiều dày 50mm, tỷ trọng 60kg/m3		m2	70		
3	Nóc lọc bụi						
3.1	Thép tấm dày 6mm, VL SS400	1500x6000x6mm		kg	3.391		
3.2	Thép tăng cứng L40x40x4; VL	L40x40x4		kg	145		

	SS400						
3.3	Thép tăng cứng L50x50x5; VL SS400	L50x50x5		kg	113		
4	Vách thành bên						
4.1	Thép tấm dày 6mm; VL SS400	1500x6000x6mm		kg	2.120		
4.2	Thép tăng cứng L65x65x6; VL SS400	L65x65x6		kg	171		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế (II)						
	Tổng giá trị I + II						

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT CUNG CẤP HÀNG HÓA ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết cung cấp hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của bên mời chào giá về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, thời gian giao hàng, thời gian bảo hành. Cụ thể như sau:

1. Về yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hàng hóa:.....
2. Về điều kiện nghiệm thu:
3. Về thời gian, địa điểm giao hàng:
4. Về thời gian và điều kiện bảo hành:.....

Nhà cung cấp nêu tất cả các nội dung mà Nhà cung cấp cam kết thực hiện theo các nội dung mà bên mời chào giá yêu cầu nêu tại mục 3 – Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu mà Bên mời chào giá yêu cầu.

Bên mời chào giá sẽ căn cứ vào các nội dung trong Thư chào giá, cam kết của Nhà cung cấp đối chiếu với yêu cầu của Thư mời chào giá để đánh giá về mặt kỹ thuật theo tiêu chí đạt/không đạt nêu tại mục 3 – Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		

Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá⁽¹⁾.

1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.			
☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời cung cấp phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và Thư chào giá sẽ bị loại.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp:

Thông tin trong Bảng phạm vi cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đvt	SL	Ghi chú
I	Vật tư, thiết bị chính					
1	Bản cực thu, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 03, bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	250	
2	Bản cực phóng	Gồm các chi tiết số 8, chi tiết số 14, 15, 16, 17, 19, bản vẽ: YC1669.4A-AZ				
2.1	Bản cực phóng Kiểu: Lệnh vị trí, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 14, 16. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	17	
2.2	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 15, 17. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	03	
2.3	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn (Trong đó: Bên A cấp 1300 chi tiết số 08)	Chi tiết số 15, 17, bản vẽ YC1669.4A-AZ	SINOMA/TQ hoặc tương đương	Bộ	13	
	Cộng giá trị trước thuế					
	Thuế GTGT 10%					
	Cộng giá trị sau thuế (I)					
II	Vật tư phục vụ lắp đặt					
1	Tôn mái					
1.1	Tôn tráng kẽm dày 1mm	Tôn tráng kẽm dày 1mm	VN/TQ hoặc tương đương	m2	80	
1.2	Phụ kiện: ốp nóc, góc...		VN/TQ hoặc tương đương	Cụm	1	
2	Bông bảo ôn: dày 50, tỷ trọng 60kg/m3	Chiều dày 50mm, tỷ trọng 60kg/m3	VN/TQ hoặc tương đương	m2	70	
3	Nóc lọc bụi		VN/TQ hoặc tương đương			

3.1	Thép tấm dày 6mm;	1500x6000x6mm	VN/TQ hoặc tương đương	kg	3.391	
3.2	Thép tăng cứng L40x40x4	L40x40x4	VN/TQ hoặc tương đương	kg	145	
3.3	Thép tăng cứng L50x50x5	L50x50x5	VN/TQ hoặc tương đương	kg	113	
4	Vách thành bên					
4.1	Thép tấm dày 6mm	1500x6000x6mm	VN/TQ hoặc tương đương	kg	2.120	
4.2	Thép tăng cứng L65x65x6	L65x65x6	VN/TQ hoặc tương đương	kg	171	
	Cộng giá trị trước thuế					
	Thuế GTGT 10%					
	Cộng giá trị sau thuế (II)					
	Tổng giá trị I + II					

Mục 2. Thời gian giao hàng.

Thời gian Bên B hoàn thành việc giao toàn bộ hàng hóa cho Bên A đến kho Bên A tại Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao là trước ngày 20/02/2021.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Nêu tại mục 3.2 – Chương II - yêu cầu kỹ thuật

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Mẫu số 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2021/HĐKT

V/v: **Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế trường số 3**
Lọc bụi tĩnh điện 12/16.19

Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-XMST ngày/01/2021 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 – Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng thực hiện việc: Cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thay thế trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 – Nhà máy xi măng Vicem Sông Thao đã được Hai bên ký ngày/...../2021;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên,

Hôm nay, ngày/01/2021, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Điện thoại : 0210 3884 927

Fax: 0210 3884 929

Tài khoản : 118 600 399 566

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Việt Trì

Mã số thuế : 260 027 9082

II. BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY

Địa chỉ :

Đại diện : Ông (Bà).....

Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại :

Fax:

Tài khoản :

Ngân hàng :

Mã số thuế :

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ
VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN CỤ THỂ DƯỚI ĐÂY**

Điều 1. Nội dung, khối lượng Hợp đồng:

1.1. Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán vật tư, thiết bị phục vụ việc thay thế trường số 03 – lọc bụi tĩnh điện 12/16.19 – Nhà máy Bên A (sau đây gọi là hàng hóa). Danh mục, số lượng, đơn giá và giá trị hàng hóa do Bên B cung cấp nêu tại bảng chi tiết giá trị Hợp đồng. Các tài liệu sau đây được coi là một phần tài liệu của Hợp đồng và không tách rời khỏi Hợp đồng này:

- Thư mời chào giá;
- Hồ sơ chào giá;
- Báo cáo đánh giá Hồ sơ chào giá;
- Biên bản thương thảo Hợp đồng;

1.2. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

1.3. Giá trị Hợp đồng :.....đồng (Bằng chữ :)

Bảng chi tiết giá trị Hợp

TT	Tên vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Vật tư, thiết bị chính						
1	Bản cực thu, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 03, bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	250		
2	Bản cực phóng	Gồm các chi tiết số 8, chi tiết số 14, 15, 16, 17, 19, bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ			
2.1	Bản cực phóng Kiểu: Lệch vị trí, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 14, 16. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	17		
2.2	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn, gồm bu lông và phụ kiện đi kèm	Chi tiết số 8, chi tiết số 15, 17. Bản vẽ: YC1669.4A-AZ		Bộ	03		
2.3	Bản cực phóng Kiểu: Tiêu chuẩn (Trong đó: Bên A cấp 1300 chi tiết số 08)	Chi tiết số 15, 17, bản vẽ YC1669.4A-AZ		Bộ	13		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế (I)						
II	Vật tư phục vụ lắp đặt						

1	Tôn mái						
1.1	Tôn tráng kẽm dày 1mm	Tôn tráng kẽm dày 1mm		m2	80		
1.2	Phụ kiện: ốp nóc, góc...			Cụm	1		
2	Bông bảo ôn: dày 50, tỷ trọng 60kg/m3	Chiều dày 50mm, tỷ trọng 60kg/m3		m2	70		
3	Nóc lọc bụi						
3.1	Thép tấm dày 6mm, VL SS400	1500x6000x6mm		kg	3.391		
3.2	Thép tăng cứng L40x40x4; VL SS400	L40x40x4		kg	145		
3.3	Thép tăng cứng L50x50x5; VL SS400	L50x50x5		kg	113		
4	Vách thành bên						
4.1	Thép tấm dày 6mm; VL SS400	1500x6000x6mm		kg	2.120		
4.2	Thép tăng cứng L65x65x6; VL SS400	L65x65x6		kg	171		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế (II)						
	Tổng giá trị I + II						

Giá trị nêu trên bao gồm chi phí hàng hóa do Bên B cung cấp, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng hóa đến kho Nhà máy Bên A; các chi phí Chuyên gia hướng dẫn, giám sát Đơn vị thực hiện dịch vụ lắp đặt, chạy thử tại hiện trường Nhà máy Bên A từ khi bắt đầu lắp đặt đến khi hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và các chi phí khác có liên quan đến việc cung cấp vật tư thiết bị, bảo hành hàng hóa.

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

a. Các vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng chủng loại, mã hiệu, qui cách; đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1 Hợp đồng.

b. Các vật tư, thiết bị chính được chế tạo đạt chất lượng và dung sai cho phép theo đúng tiêu chuẩn của Nhà sản xuất, ngoài ra còn phải đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu của Vicem Sông Thao cụ thể như sau:

+ Đối với khung bản cực phóng (mục 2.2), yêu cầu chế tạo bằng ống thép Q235, ống thép đúc chiều dày 3mm, các khung đảm bảo độ phẳng ≤ 05 mm, dung sai chiều cao ± 8 mm (với khung cao 7.5 m); ± 5 mm với khung chiều cao 5m ; dung sai chiều rộng ± 5 mm; Chiều cao mỗi hàn > 4 mm;

+ Đối với các thanh gai, đảm bảo được hàn bằng phương pháp tiếp xúc. Không có khuyết tật và yêu cầu hàn tiếp xúc giữa phần kết nối thanh gai và bu lông;

+ Đối với tấm bản cực thu (Mục số 2.1) yêu cầu dung sai độ không phẳng của sản phẩm theo phương ngang (theo trục x-x) không lớn hơn ± 4 mm; dung sai độ không phẳng của sản phẩm theo phương dọc (trục y-y) không lớn hơn ± 10 mm. Độ vắn của sản phẩm sau gia công không lớn hơn ± 10 mm. Vật liệu chế tạo Q235A.

Dung sai chiều dài: $0 \div -5$

Dung sai chiều rộng: $-1 \div +2.5$

c. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được đóng gói, bảo quản đúng tiêu chuẩn của Nhà sản xuất; khi giao hàng đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện và có đầy đủ các giấy CO, CQ (*bản gốc hoặc bản sao công chứng khi giao hàng*). Các vật tư thiết bị chính phải được tổ hợp thành cụm chi tiết/ thiết bị theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất để thuận tiện cho quá trình vận chuyển và giảm thiểu thời gian tổ hợp, lắp đặt tại hiện trường và nâng cao chất lượng sản phẩm khi lắp đặt sử dụng. Yêu cầu có Bảng kê list hàng hóa do Nhà máy chế tạo thiết bị cấp đi kèm với hàng hóa khi giao hàng;

d. Hàng hóa khi Bên B giao cho Bên A tại Nhà máy Bên A không bị các biến dạng cơ học như: móp méo, cong vênh... hoặc các biến dạng cơ học khác;

e. Khi giao hàng có các tài liệu hướng dẫn lắp đặt các chi tiết của hàng hóa và hướng dẫn vận hành bằng 2 thứ tiếng: Tiếng Anh và có bản dịch sang tiếng Việt;

f. Hàng hóa phải đảm bảo lắp đặt tương thích, đồng bộ với các thiết bị hiện có của Bên A tại Nhà máy Bên A;

g. Bên B phải cử Chuyên gia Hăng thiết kế/chế tạo thiết bị chính đến hướng dẫn và giám sát lắp đặt tại hiện trường Nhà máy Bên A từ khi lắp đặt đến khi hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.

h. Các vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp phải được bảo hành trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng. Thiết bị phải hoạt động ổn định.

2.2. Nghiệm thu hàng hóa:

Việc nghiệm thu được chia làm 02 giai đoạn:

a. Giai đoạn 1: Nghiệm thu tĩnh bao gồm việc nghiệm thu các vật tư, thiết bị chính và vật tư thiết bị phục vụ lắp đặt do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt

Khi Bên B cung cấp các vật tư, thiết bị đến công trường để lắp đặt, Hai Bên sẽ kiểm tra về số lượng, chủng loại, quy cách, các thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất và xuất xứ hàng hóa. Các Bên tiến hành đối chiếu hàng hóa với bản vẽ, tiêu chuẩn chế tạo và yêu cầu kỹ thuật của Bên A để nghiệm thu vật tư, thiết bị do Bên B cấp.

Nếu hàng hóa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng thông số về kích thước, chất lượng. Các bên sẽ tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B thực hiện lắp đặt tại hiện trường.

b. Giai đoạn 2: Nghiệm thu chạy thử không tải, có tải 72 giờ và bàn giao đưa vào sử dụng đối với các vật tư, thiết bị chính.

+ Sau khi Bên B đã cung cấp đầy đủ hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và được nghiệm thu tinh theo quy trình của Bên A. Trong kế hoạch sửa chữa lớn tháng 02/2021, Bên A thực hiện lắp đặt hàng hóa trên cơ sở dưới sự hướng dẫn và giám sát lắp đặt của Chuyên gia Bên B và tiến hành việc chạy thử không tải, có tải 72 giờ. Trường hợp trường số 03 – Hệ thống lọc bụi điện 12/16.19 vận hành đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Các Bên: A- B – Đơn vị thực hiện dịch vụ lắp đặt sẽ tiến hành lập biên bản nghiệm thu chạy thử không tải và có tải 72 giờ làm cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng Hai Bên A- B.

Trường hợp, trong quá trình hoạt động, xuất hiện sự cố được xác nhận là do lỗi của Bên B. Bên B phải khắc phục, sửa chữa, thay thế. Toàn bộ chi phí khắc phục sự cố cho bên A do Bên B chịu

Điều 3: Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian giao hàng: Bên B có trách nhiệm bàn giao hàng hóa cho Bên A trước ngày 20 tháng 02 năm 2021.

Trước khi giao hàng 02 ngày, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian giao hàng.

3.2. Địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận: Giao hàng trên phương tiện Bên B, tại kho Bên A: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điều 4: Phương thức thanh, quyết toán:

4.1. Thanh toán:

Khi Bên B cung cấp đầy đủ hàng hóa cho Bên A, hàng hóa đã được nghiệm thu giai đoạn 1 (nghiệm thu nhập hàng) theo yêu cầu nêu tại Điểm a- Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ thanh toán. Hồ sơ thanh toán, gồm:

- + Hồ sơ nghiệm thu hàng hóa, gồm:
 - Biên bản kiểm tra nhập hàng;
 - Biên bản nghiệm thu hàng hóa;
 - Các giấy tờ có liên quan (giấy chứng nhận chất lượng, xuất xứ hàng hóa, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt, vận hành, bản sao Hợp đồng kinh tế ...)
- + Công văn đề nghị thanh toán;
- + Biểu thanh toán giá trị hoàn thành được A- B ký.
- + Hóa đơn GTGT theo luật định.

* Trên cơ sở Hồ sơ thanh toán được A-B ký, trong vòng 30 ngày, Bên A thanh toán cho Bên B 70% giá trị hàng hóa.

4.2. Quyết toán Hợp đồng:

Khi hàng hóa đã được Bên A đưa vào lắp đặt sử dụng và đã được Hai Bên nghiệm thu giai đoạn 2 (nghiệm thu chạy thử không tải và chạy thử có tải 72 giờ) theo yêu cầu nêu tại Điểm b- Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ quyết toán. Hồ sơ quyết toán, gồm:

- + Hồ sơ thanh toán;
- Biên bản nghiệm thu chạy thử không tải và chạy thử có tải 72 giờ;
- Công văn đề nghị quyết toán của Bên B;

* Trên cơ sở Hồ sơ quyết toán được A-B ký, trong vòng 30 ngày, Bên A thanh toán cho Bên B 25% giá trị hàng hóa và giữ lại 5% giá trị hàng hóa để bảo hành.

4.3. Thanh lý Hợp đồng:

Khi hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có). Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và Biên bản thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Biên bản thanh lý Hợp đồng được A-B ký, Bên A thanh toán số tiền còn lại cho Bên B;

6.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

6.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 7: Trách nhiệm Các Bên:

7.1. Trách nhiệm Bên A:

- a. Phối hợp với Bên B kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa được Bên B cung cấp.
- b. Tiếp nhận, hạ hàng ra khỏi phương tiện vận tải cho Bên B tại kho Nhà máy Bên A.
- c. Thông báo cho Bên B biết trước 05 ngày về thời gian lắp đặt và chạy thử thiết bị để Bên B cử Chuyên gia hướng dẫn, giám sát lắp đặt và chạy thử thiết bị.
- d. Bố trí 01 phòng làm việc tại hiện trường để Chuyên gia của Bên B làm việc trong thời gian lắp đặt thiết bị.
- e. Thực hiện lắp đặt thiết bị vào vị trí, tiến hành chạy thử có tải 72 giờ để đánh giá chất lượng của hàng hóa làm cơ sở cho việc nghiệm thu bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.
- f. Phối hợp với Bên B lập Biên bản nghiệm thu chạy thử, bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng (nếu thiết bị chạy thử có tải đạt yêu cầu).
- g. Thanh quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.
- h. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

7.2. Trách nhiệm Bên B:

- a. Cung cấp cho Bên A đủ số lượng hàng hóa; đảm bảo đúng chủng loại, qui cách, đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1; đảm bảo yêu cầu chất lượng hàng hóa và có đầy đủ giấy tờ như nêu tại Khoản 2.1 – Điều 2 và giao hàng đúng thời gian, địa điểm nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.
- b. Cử Chuyên gia của Hãng thiết kế/chế tạo thiết bị đến hiện trường Nhà máy Bên A để hướng dẫn và giám sát Đơn vị thực hiện dịch vụ do Bên A thuê để lắp đặt, chạy thử thiết bị tại Nhà máy Bên A từ khi lắp đặt thiết bị đến khi bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng.
Cùng với Chủ đầu tư – Nhà thầu cung cấp dịch vụ lắp đặt thực hiện nghiệm thu và ký Biên bản nghiệm thu, chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ lắp đặt của Đơn vị thực hiện lắp đặt vật tư thiết bị vào vị trí.
- c. Tự bố trí nơi ở và phương tiện đi lại và lo ăn uống cho Chuyên gia, kỹ thuật giám sát lắp đặt thiết bị trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- d. Phối hợp cùng Bên A nghiệm thu hàng hóa theo quy định tại Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).
- d. Chịu trách nhiệm Bảo hành hàng hóa theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

e. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 8: Về xử phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

8.1. Xử phạt vi phạm Hợp đồng:

a. Đối với Bên B: Bên B bị xử phạt khi vi phạm vào các điều kiện quy định của Hợp đồng, cụ thể như sau:

Bên B giao hàng chậm hơn thời gian qui định tại Điều 3 của Hợp đồng. Mức phạt bằng 0,5% giá trị Hợp đồng (*tính trước thuế*)/01 ngày giao chậm và thời gian giao chậm không quá 05 ngày. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 05 ngày, Bên A có quyền hủy Hợp đồng mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B. Khi đó, Bên A có quyền mua hàng hóa của Nhà cung cấp khác theo giá thỏa thuận. Nếu giá trị hàng hóa Bên A mua của Nhà cung cấp khác lớn hơn giá trị tính theo Hợp đồng này thì Bên B phải bồi thường trả cho Bên A phần giá trị phần chênh lệch khi Hai Bên thanh lý Hợp đồng.

Nếu Bên B giao hàng chậm quá 05 ngày mà Bên A không hủy Hợp đồng và vẫn nhận hàng của Bên B thì Bên B sẽ bị phạt với mức phạt bằng 0,5% giá trị Hợp đồng (*tính trước thuế*)/1 ngày giao chậm, nhưng tổng giá trị tiền phạt không quá 8,0% giá trị Hợp đồng (*tính trước thuế*). Ngoài ra, Bên B còn phải bồi thường các thiệt hại khác (*nếu có*) theo qui định tại Khoản 7.2 – Điều 7 của Hợp đồng.

b. Đối với Bên A:

Nếu Bên A thanh toán chậm so với quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thì Bên A sẽ phải trả lãi cho giá trị chậm trả tính theo lãi suất tiền gửi loại kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Việt Trì tại thời điểm thanh toán.

8.2. Bồi thường thiệt hại:

Các trường hợp Bên A bị thiệt hại được xác định do lỗi của Bên B gây ra như: cung cấp hàng hóa không đảm bảo chất lượng, giao hàng chậm quá thời gian qui định tại Khoản 3.1 – Điều 3 của Hợp đồng, hoặc không thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm bảo hành theo qui định....thì Bên B phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại Bên B gây ra và sẽ do Hai Bên thỏa thuận.

Điều 9: Bảo hành hàng hóa:

9.1. Trách nhiệm trong thời gian bảo hành:

Bên B có trách nhiệm bảo hành chất lượng vật tư, thiết bị, chất lượng dịch vụ lắp đặt trong thời gian 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công tác lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

9.2. Trách nhiệm trong thời gian bảo hành:

a. Trong thời gian bảo hành, khi phát hiện hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của Nhà sản xuất Bên A sẽ thông báo cho Bên B và Bên B có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A trong vòng không quá 48 giờ kể từ khi Bên B nhận được thông báo. Thời gian khắc phục, xử lý sẽ được Hai Bên xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của hàng hóa, nhưng không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B. Kinh phí khắc phục do Bên B chịu.

b. Nếu sau 48 giờ, kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành kiểm tra, xác nhận, đề xuất và thống nhất phương án khắc phục với Bên A thì Bên A sẽ chủ động tiến hành khắc phục, sửa chữa, thay thế. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa, thay thế hàng hóa Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành (trong trường hợp Bên A giữ lại tiền để bảo hành), hoặc Bên A sẽ yêu cầu Ngân hàng phát hành bảo lãnh bảo hành trả cho Bên A số tiền Bên A đã khắc phục, sửa chữa (trong trường hợp Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh của Ngân hàng). Nếu số tiền Bên A giữ lại bảo hành hoặc số tiền Ngân hàng bảo lãnh bảo hành không đủ để khắc phục, thay thế hàng hóa thì Bên B phải bồi thường trả cho Bên A số tiền bị thiếu.

Điều 10. Bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai, dịch họa,.... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên và việc kéo dài này sẽ không áp dụng điều khoản phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ như qui định tại Điều 7 của Hợp đồng.

Điều 11: Điều khoản chung:

11.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

11.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ và tên
Chức vụ